

Số: 143/TB-THPTA1

Tam Nông, ngày 22 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024

Căn cứ Hướng dẫn số 1286/SGDĐT-QLCL ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Sở giáo dục đào tạo Đồng Tháp về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

Căn cứ Hướng dẫn số 714/PGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Phòng giáo dục đào tạo Tam Nông về việc triển khai, hướng dẫn thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

Nay trường Tiểu học Phú Thành A1 thông báo công khai hoạt động của đơn vị theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ giáo dục đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hồng Mai

**CÔNG KHAI****Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024**

(Đính kèm thông báo công khai số 143/TB-THPTA1 ngày 22 tháng 08 năm 2024 của Trường Tiểu học Phú Thành A1)

Mục 1 THÔNG TIN CHUNG**Điều 4:** Thông tin chung về cơ sở giáo dục.**1.** Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Phú Thành A1.**2.** Địa chỉ: Ấp Long Thành, xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0397169050

- Email: thphuthanha1.tamnong.dongthap@moet.edu.vn- Cổng TTĐT: <http://www.thphuthanha1.pgdtamnong.edu.vn>**3.** Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập, do Phòng GDĐT Tam Nông quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ; trực thuộc UBND huyện Tam Nông.**4.** Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

* Tầm nhìn

Là một trường có bề dày truyền thống về chất lượng giáo dục ổn định. Nhà trường là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới trở thành một trong những đơn vị có chất lượng giáo dục cao trong huyện. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường có định hướng trong việc xây dựng nhà trường thành đơn vị giáo dục xuất sắc.

Duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; dần từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục. Duy trì trường đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

* Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp - kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

* Mục tiêu

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Từng bước nâng cao chất lượng học sinh mũi nhọn trong giảng dạy.

Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh Phú Thành A1, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Tích cực vận dụng nguồn lực xã hội hóa trong giáo dục để phối hợp tốt trong giáo dục nâng cao cơ sở vật chất, chất lượng đào tạo của nhà trường.

6. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học Phú Thành A1 được thành lập theo Quyết định số 120/QĐ-TL, ngày 04 tháng 9 năm 1992 của Sở Giáo dục – Đào tạo Đồng Tháp. Trường có 03 điểm với diện tích từng điểm như sau: Điểm chính: 7.458 m², điểm phụ 1: 1.844 m², điểm phụ 2: 1.560 m². Toàn trường có 31 phòng: Điểm chính có 29 phòng, trong đó 20 phòng học và 9 phòng chức năng; Điểm phụ 1 có 6 phòng học và 1 phòng cho điểm trưởng; điểm phụ 2 có 5 phòng học. Toàn trường có 44/26 nữ, trong đó: giáo viên: 35, nhân viên: 06, cán bộ quản lý: 03. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm học 2015-2016,

7. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Dương Thị Hồng Mai - Hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0397169050.

- Email: hongmaipn@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy bao gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; các lớp học.

a) Trường được thành lập theo Quyết định số 120/QĐ-TL, ngày 04 tháng 9 năm 1992 của Sở Giáo dục – Đào tạo Đồng Tháp.

b) Quyết định số 01/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học Phú Thành A1 nhiệm kỳ 2021 – 2026, gồm 11 thành viên, danh sách như sau:

1	Bà Dương Thị Hồng Mai	- Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ	- Chủ tịch HĐ
2	Ông Huỳnh Văn Bé	- Chủ tịch CĐCS	- Phó Chủ tịch HĐ
3	Bà Đỗ Thị Cẩm Loan	- Tổ trưởng Tổ 2	- Thư ký
4	Ông Lê Duy Chúc	- Phó Hiệu trưởng	- Thành viên
5	Bà Lê Thị Thảo Trang	- Tổ trưởng Tổ 1	- Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Vào	- Tổ trưởng Tổ 3	- Thành viên

7	Bà Nguyễn Thị Cúc	- Tổ trưởng Tổ 4	- Thành viên
8	Ông Trần Minh Hiếu	- Tổ trưởng Tổ 5	- Thành viên
9	Bà Lương Thị Đẹp	- Tổ trưởng Tổ Văn phòng	- Thành viên
10	Ông Dương Văn Thắng	- Phó Chủ tịch UBND xã Phú Thành A	- Thành viên
11	Ông Đào Văn Diễn	- Trưởng ban BDDCMHS	- Thành viên

a) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 409/QĐ-UBND-TCCB ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phú Thành A1.

- Quyết định số 54/QĐ-UBND-HC ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc điều động và bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phú Thành A1.

- Quyết định số 632/QĐ-UBND-NV ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Phú Thành A1.

b) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị (*đính kèm*).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định

củapháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị (*đính kèm*).

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ, thư điện tử của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

e.1. Bà Dương Thị Hồng Mai - Hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0397169050.

- Email: hongmaipn@gmail.com

e.2. Ông Lê Duy Chúc - Phó hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0919820666.

- Email: leduychuc@gmail.com

e.3. Bà Lâm Thị Tuyết - Phó hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0388828597.

- Email: lamtuyet04@gmail.com

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: chiến lược phát triển giáo dục, quy chế dân chủ cơ sở, nghị quyết hội đồng, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (*đính kèm*).

Điều 6: Thu chi tài chính.

Hoạt động thu chi năm 2023

1.1. Các khoản thu

Kinh phí ngân sách năm 2023: 12.015.286.305đ

+ Kinh phí thường xuyên: 9.233.177.000đ

+ Kinh phí không thường xuyên: 2.782.109.305đ

- Thu từ dịch vụ cho thuê Căn tin năm 2023: 39.660.000đ

1.2. Các khoản chi

- Kinh phí ngân sách năm 2023:

+ Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương năm 2023: 7.414.113.108đ

+ Thanh toán dịch vụ công cộng: 90.177.342đ

+ Vật tư văn phòng: 35.540.000đ

+ Thông tin, tuyên truyền, liên lạc: 14.780.999đ

+ Công tác phí: 33.400.000đ

+ Thuê mướn: 99.465.000đ

+ Sửa chữa: 397.219.060đ

+ Mua sắm phục vụ chuyên môn: 175.439.000đ

+ Chi phí nghiệp vụ chuyên môn ngành: 501.437.600đ

+ Khác: 65.400.000đ

+ Hỗ trợ chi phí học tập học sinh:

1.3. Chế độ chính sách học sinh

- Hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024: 40.350.00 đ

- Nhận trao quà, học bổng từ mạnh thường quân các ban ngành đoàn thể cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn năm học 2023 - 2024: 59.300.000đ

2. Các khoản thu năm học 2023 - 2024

- Bảo hiểm y tế: 42.120đ/tháng (12 tháng: Số học sinh tham gia là 712 em, số tiền: 426.794.800đ/năm), không thu đối với học sinh thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo.

- Bảo hiểm tai nạn: 150.000đ/tháng: Số học sinh tham gia là 631 em: số tiền 94.650.000 đồng; thu 50% đối với học sinh thuộc hộ cận nghèo, hộ nghèo: Học sinh đóng là 31 em, số tiền: 2.325.000 đồng

MỤC 3

CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục Tiểu học.

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2024 -2025

* Tổng số CBQL-GV-NV: 44/26 nữ, trong đó:

- CBQL: 3/2 nữ
 - Giáo viên: 35/20 nữ (trong đó: 01 GV-TPTĐ).
 - Nhân viên: 06/04 nữ (trong đó: 01 Kế toán, 01 Văn thư, 01 Thiết bị, 01 Thư viện, 01 YTHĐ và 01 NV Bảo vệ hợp đồng theo NĐ 111).
- *Về trình độ đào tạo: Đại học: 39, Cao đẳng: 02, Trung cấp: 02. Dưới trung cấp: 01.

Trong đó:

- CBQL: 02 Đại học.
- Giáo viên: Đại học: 34, Cao đẳng: 01.
- Nhân viên: Đại học: 02, Cao đẳng: 01, Trung cấp: 02. Dưới trung cấp: 01.

Chia theo nhóm vị trí việc làm

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số người làm việc theo VTVL
I	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc quản lý, điều hành		03
1	Hiệu trưởng	Hạng II trở lên	01
2	Phó Hiệu trưởng	Hạng II trở lên	02
II	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc nghiệp vụ chuyên ngành		41
1	Giáo viên Tiểu học hạng II	Hạng II trở lên	20
2	Giáo viên Tiểu học hạng III	Hạng III trở lên	18
3	Giáo viên TPT Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh	Hạng III trở lên	01
4	Giáo vụ	Hạng III trở lên	01
5	Tư vấn học sinh	Hạng III trở lên	01
III	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		05

1	Kế toán viên	Hạng III trở lên	01
2	Văn thư viên	Hạng IV trở lên	01
3	Thư viện viên	Hạng III trở lên	01
4	Quản trị công sở	Hạng III trở lên	01
5	Y tế học đường	Y sĩ hạng IV trở lên	01
IV	Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ		01
1	Nhân viên bảo vệ		01
2	Nhân viên phục vụ		01

Năm học 2023 - 2024 có tổng số 37 CBQL-GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp loại Khá trở lên, đạt tỉ lệ 100%.

Năm học 2023 - 2024 có tổng số 37 CBQL-GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định, đạt tỉ lệ 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Trường Tiểu học Phú Thành A1 thuộc vùng nông thôn, có tổng diện tích khuôn viên là 10 862 m² bình quân diện tích 14,56m²/ học sinh. Khu sân chơi, bãi tập có tổng diện tích là 3 600 m², chiếm 33,14% tổng diện tích diện tích.

b) Toàn trường có 31 phòng: Điểm chính có 29 phòng, trong đó 20 phòng học và 9 phòng chức năng; Điểm phụ 1 có 6 phòng học và 1 phòng cho điểm trưởng; điểm phụ 2 có 5 phòng học, bố trí cho 28 lớp học. Phòng học có diện tích 48 m², phòng học được xây kiên cố đảm bảo an toàn cho học sinh học tập, thoáng mát, đủ ánh sáng; trang thiết bị bố trí trong phòng học phù hợp. Mỗi phòng học từ 10 - 16 bộ bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi, đảm bảo đủ nhu cầu số lượng, phù hợp với tầm vóc học sinh. Có 01 bộ bàn ghế giáo viên, có bảng chống loá đúng quy định; 04 bóng đèn huỳnh quang dài 1,2m trong mỗi phòng; có 02 quạt trần và một tivi có kết nối internet.

Nhà trường có các phòng học bộ môn như: 01 phòng học bộ môn Âm nhạc - Mĩ thuật, 01 phòng học bộ môn Tin học, 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ.

Nhà trường có phòng của Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh có đầy đủ các thiết bị theo quy định; 01 thư viện có đầy đủ các đầu sách phục vụ cho bạn đọc.

Phòng thiết bị có diện tích 23m² có bố trí kệ, giá, tủ để đựng và bảo quản

thiết bị dạy học của trường; phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ghép với phòng Y tế học đường với diện tích 23m² đảm bảo tư vấn học sinh cũng như công tác chăm sóc sức khỏe cho học sinh và giáo viên.

Khu sân chơi, bãi tập được sử dụng cho các hoạt động giảng dạy môn thể dục trong trường (đá cầu, bóng chuyền, chạy cự li ngắn, cầu lông) và các hoạt động khác trong trường như: sinh hoạt dưới cờ, tổ chức trò chơi dân gian, hoạt động giờ ra chơi,... Đảm bảo đủ yêu cầu cho học sinh vui chơi. Tuy nhiên bãi tập còn lại một phần sân cát chưa được láng đal.

c) Số thiết bị dạy học hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy - học của giáo viên và học sinh.

3. Sách giáo khoa sử dụng được ủy UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 422/QĐ-UBND-HC ngày 24 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Tháp Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 sử dụng tại các cơ sở giáo dục phổ thông kể từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá.

Năm học 2023 - 2024 nhà trường thực hiện báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, tự đánh giá đạt mức độ 1 theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018. Năm học 2023 - 2024 nhà trường đề ra Kế hoạch số 152aKH-THPTA1 ngày 22 tháng 10 năm 2023 của trường Tiểu học Phú Thành A1 về Cải tiến chất lượng giáo dục Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 5.5: Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

Trường được công nhận và cấp Bằng công nhận trường Đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1493/QĐ-UBND-HC ngày 20 tháng 12 năm 2016.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch duy trì trường chuẩn Quốc gia và có kế hoạch cải tiến chất lượng.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục.

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục phổ thông của năm học.

a) Kế hoạch tuyển sinh 6 năm học 2024 – 2025

Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 135/KH-THPTA1 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của trường Tiểu học Phú Thành A1 về Kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2024 - 2025, Kết quả có 130 học sinh đúng độ tuổi vào lớp 1, tỉ lệ 100%.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục của trường như: Kế hoạch số 100/KH-THPTA1 ngày 06 tháng 9 năm 2023 Kế hoạch giáo dục Nhà trường năm học 2023 – 2024, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, dạy học STEM, tổ chức các hoạt động lồng ghép giáo dục cho học sinh, tổ chức các CLB,...

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh.

Hàng năm nhà trường phối hợp với CMHS trong việc tuyên truyền các em thực hiện tốt nội quy của nhà trường, thực hiện tốt nhiệm vụ của học sinh, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự trong nhà trường,... Ngoài ra, còn phối hợp với các ban ngành đoàn thể và chính quyền địa phương trong việc huy động học sinh ra lớp, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, giáo dục đạo đức học sinh, hỗ trợ học bổng, quà cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện đến trường,...

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục.

Rèn kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động STEM, các buổi lao động vệ sinh trường lớp.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học trước:

a) Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 162/162 học sinh; Tỉ lệ: 100 %

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT, thống kê học sinh lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Đánh giá Môn học

Khối lớp	Tổng số HS	Tiếng Việt						Toán					
		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	165	96	58.2	63	38.2	6	3.6	100	60.6	61	37	4	2.4
2	182	84	46.2	97	53.3	1	0.5	121	66.5	60	33	1	0.5

3	126	76	60.3	50	39.7	0	0	74	58.7	52	41.3	0	0
4	135	77	57	58	43	0	0	67	49.6	68	50.4	0	0
5	172	62	36.3	109	63.7	0	0	65	38	106	62	0	0
CỘNG	780	395	50.7	377	48.4	7	0.9	427	54.8	347	44.5	5	0.6

- Đánh giá năng lực, phẩm chất:

Khối lớp	Tổng số HS	Phẩm chất						Năng lực					
		Tốt		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Đạt		Chưa đạt	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	161	96	58.2	63	38.2	2	3.6	100	60.6	59	37	2	2.4
2	182	84	46.2	97	53.3	1	0.5	121	66.5	60	33	1	0.5
3	126	76	60.3	50	39.7	0	0	74	58.7	52	41.3	0	0
4	135	77	57	57	43	1	0	67	49.6	68	50.4	0	0
5	171	62	36.3	109	63.7	0	0	65	38	106	62	0	0
CỘNG	775	395	50.7	377	48.4	4	0.9	427	54.8	347	44.5	3	0.6

- Số học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 771 em ; tỷ lệ: 99,5%, Chưa hoàn thành: 4 em ; tỷ lệ: 0,5%.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 171/171 em ; tỷ lệ: 100%.

- Tổng số học sinh được khen thưởng cuối năm: 304/775 em ; tỷ lệ: 39,23%

2. Thực hiện chương trình giáo dục nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: không có./.